

BẢN LUẬN 20 TU SỞ THÀNH ĐỊA

Đẳng dẫn gọi là Tu, tức là Biệt cảnh Định tâm sở. Nếu nghĩa của tu tập thông với Văn tư tuệ, thì Tu nghĩa là Chứng, cho nên chỉ có Đẳng dẫn nương theo Tu mà sinh Tuệ, gọi là Tu tuệ; nương vào Sở thành của Tu tuệ, tất cả công đức của Hữu vi và Vô vi, gọi là Tu sở thành, đều là Thể của Địa này, toàn văn phân làm hai đoạn là hỏi và đáp.

Trong đáp có ba phần:

1. Trình bày bốn Xứ.
2. Lấy bảy chi tương nhiếp giải thích rộng.
3. Tổng kết thành Tu sở thành địa.

Trong bảy chi tương nhiếp rộng giải thích gồm hai đoạn là tổng trình bày bảy chi tương nhiếp và riêng phân tích rộng về tướng. Đoạn văn thứ nhất có ba phần là nêu, trình bày và kết. Xứ là xứ sở, nương vào bốn nghĩa Xứ thì tu hành mới viên mãn:

1. Xứ sở, là Nội thể và Ngoại duyên cần phải đầy đủ.
2. Nhân duyên, là hành Phương tiện tu của thế gian và xuất thế gian.
3. Tu du-già chánh tu tự thể.
4. Tu quả là nhân tu chỗ đắc thế gian và xuất thế gian, thì quả là công đức Hữu vi và Vô vi.

Bảy chi nhiếp:

1. Sinh viên mãn, tức là Tu xứ sở.
2. Nghe chánh pháp.
3. Niết-bàn làm Thượng thủ.
4. Có thể thành thực thành tựu giải thoát Tuệ, đây là hợp chung làm ba loại, gọi là Tu nhân duyên.
5. Tu tập Đối trị, gọi là Tu du-già.
6. Tịnh của thế gian .
7. Tịnh của xuất thế gian gọi là Tu quả.

Trong bảy chi rộng giải thích, do bốn Xứ nhiếp, tức là phân làm bốn đoạn, trong Sinh viên mãn tu xứ sở thứ nhất, văn phân ba phần:

1. Phân tích Sinh viên mãn.
2. Có thể nhiếp bốn chi tu Du-già xứ.
3. Kết Sinh viên mãn rộng, Thánh giáo nghĩa bất tăng bất giảm.
- Văn thứ nhất lại phân ba phần:
 1. Hỏi để nêu ra mười loại.

2. Mỗi mỗi hiển riêng.

3. Tổng kết thành.

Lại nữa, ở trung tâm quốc gia không sinh biên địa, là nương vào thông Tục thế gian mà giải thích, chỉ có Trung Ấn gọi là trung tâm quốc gia, người ở trung tâm quốc gia vì có đủ Chánh hạnh, ngoài ra đều là Biên địa, nếu có ít người đủ Chánh hạnh, thì phần nhiều không đủ. Theo chỗ truyền của Phật pháp, chỉ có Trung Ấn gọi là trung tâm quốc gia, vì uy nghi lễ tắc thuận với Chánh lý, Bí-sô v.v... có đủ Chánh hạnh, vì có đủ chỗ đến chân chánh, ngoài ra tuy ít người có đủ, phần nhiều trái với nghi tắc, Hạnh không thuần, đều gọi là Biên địa. Đạt-tu, là loại người vật vãnh bỉ ổi hạ tiện. Miệt-lê-xa, là hạng người ưa thích cấu uế.

Từ câu “nghe chánh pháp viên mãn” trở xuống, giải thích trong Tu nhân duyên thứ hai, phân ba đoạn:

1. Rộng giải thích ba chi.

2. Từ câu “lại nữa, tùy theo thứ tự, đã nói ba chi” trở xuống, kết thành rộng giáo không hơn không tăng.

3. Từ câu “lại nữa, ba chi này nên biết tức là Tu du-già nhân duyên” trở xuống, kết thành ba chi Tu nhân duyên nhiếp.

Trong Niết-bàn làm Thượng thủ có ba phần là nêu, giải thích và tổng kết. Trong nghĩa rộng, phân làm hai đoạn:

1. Giải thích Niết-bàn là tướng Thượng thủ.

2. Giải thích do tướng này mà được năm thắng lợi.

- Đoạn văn thứ nhất lại phân làm hai phần:

1. Tổng thuyết minh Niết-bàn làm đầu, chỉ nghe chánh pháp không vì các duyên khác.

2. Lấy mười Chuyển giải thích lấy làm đầu.

- Hậu hữu và Trung hữu có hai phần:

1. Nêu mười Chuyển, hai Niết-bàn làm đầu.

2. Giải thích mười Chuyển.

- Mười Chuyển gồm:

1. Văn sở thành tuệ làm Nhân.

2. Đối với Đạo và Đạo quả khởi ba loại Tín.

3. Viễn ly các Ác tâm tứ ồn náo.

4. Tiến đến Thiện quyết định Tư sở thành trí.

5. Có thể tiến vào hai Tu phương tiện.

6. Chứng Tu tuệ.

7. Đối với sinh tử và Niết-bàn phát khởi ưa chán.

8. Nhập Đế hiện quán hữu học giải thoát.

9. Luôn luôn tu đạo Vô học giải thoát.

10. Chứng Vô dư y Niết-bàn.

Năm loại đầu ở trước Niệm trụ quán bất tịnh; một loại kế ở tại Quán bất tịnh niệm trụ v.v...; một loại kế là bốn Thiện căn, đối với sinh tử Niết-bàn mà khởi ưa chán, tức là bốn Đế quán; hai loại sau tự có thể biết được. Trên đây là chín loại Hữu dư Niết-bàn làm Thượng thủ, tức là do chín loại này mà chứng Vô dư y Niết-bàn, là Chuyển thứ mười.

Năm Lợi ích thù thắng, là khi nghe pháp có hai thứ nhiều ích, khi tu chánh hạnh cũng có hai thứ nhiều ích, đều chứng biên tế của Khổ.

Có thể thành thực giải thoát, trong Thành thực của Tuệ có hai phần là hỏi và đáp. Trong đáp có ba đoạn:

1. Thuyết minh Chỉ quán do Tuệ thành thực.

2. Thuyết minh gần gũi Thiện hữu tu tập Tam học Tuệ thành thực.

3. Thuyết minh mười loại Năng thực, giải thoát, Tuệ thành thực.

Giải thoát là quả; Năng thực là nhân, tức là Chỉ quán v.v... Quả này và nhân này đều là Sở thực, Tuệ là Năng thực, vì hay thành thực các Sở thực kia, gọi là Thành thực của Tuệ.

“Trong Định tâm, Tuệ đối với Cảnh sở tri thanh tịnh mà chuyển”, là giải thích chi Xa-ma-tha do Tuệ thành thực, Định tâm không có Tuệ thì chứng cảnh không rõ, chướng cấu không lìa, do Tuệ chứng rõ và có thể lìa chướng thì Định tâm mới viên mãn, cho nên gọi là Tuệ thành thực.

Thứ hai, “lại nữa, chi Tỳ-bát-xá-na” trở xuống, giải thích nương vào Thiện hữu mà tu Tam học Tuệ thành thực, gồm nêu và giải thích. Trong nêu, nói:

1. Ban đầu khởi Tu tuệ, phải nương vào chỗ nhiếp thọ của Thiện hữu.

2. Nương vào chỗ nhiếp thọ của Xa-ma-tha.

3. Nương vào chỗ nhiếp thọ Thi-la viên mãn.

Vì ban đầu khởi Tu tuệ cho nên không nói do chỗ nhiếp thọ của Tu tuệ. Hoặc ban đầu khởi Văn tuệ cho nên không nói do chỗ nhiếp thọ của Tu tuệ, vì chưa có hiện hành Phương tiện tuệ, nếu sau đó khởi Tuệ, thì lý cũng do chỗ nhiếp thọ của Tuệ.

Kế đó trong giải thích riêng, chỉ giải thích nương vào Thiện hữu và nương vào chỗ nhiếp thọ của Thi-la, không giải thích nương vào chỗ nhiếp thọ của Định. Chỉ Thành thực ở trước, tức là chỗ nhiếp thọ của Định này. Thiện hữu nhiếp thọ là do Thiện nhiếp thọ, vì khi thuyết

pháp, trong Cảnh sở tri của chỗ thuyết pháp, do có Tuệ có Giác liễu dục. Thi-la nhiếp thọ, là do nhiếp thọ Thi-la, người kia có ba căn, tùy theo Cử tội v.v... do có Tuệ này mà kham chịu quả trách.

Thứ ba, “lại nữa, nương vào Sở tri chân thật” trở xuống, giải thích mười loại Năng thực, Giải thoát, Tuệ thành thực. Trong đó có hai đoạn là phân tích mười loại và tổng kết mười loại dần dần có thể khiến cho giải thoát viên mãn. Mười loại gồm:

1. Đối với cảnh chân thật có Giác liễu dục.
2. Ưa thích nghe pháp.
3. Thuận tiện phát thỉnh hỏi.
4. Nghe pháp nghĩa sâu xa mà xưa kia chưa nghe.
5. Thuyết minh nghĩa Tịnh pháp trừ chỗ nghi trước.
6. Có thể thấy các tội lỗi mà chán sâu các thịnh sự.
7. Đối với các thịnh sự của thế gian không sinh chán ưa.
8. Vì trừ nẻo ác pháp mà tâm sinh chánh nguyện.
9. Vì trừ các Hoặc mà tu các thiện pháp.
10. Vì đắc quả kia và tâm thanh tịnh mà tâm sinh chánh nguyện.

Do đây dần dần giải thoát viên mãn, có thể thành ba chi. Trong rộng nhiếp Thánh giáo lại không có lỗi tăng thêm, “như vậy ba chi mở rộng nghĩa Thánh giáo là mười Thập chủng”, là ban đầu nghe chánh pháp, phạm chỗ có tu hành, đều lấy Niết-bàn mà làm Thượng thủ, chỗ tu học này có thể thành tựu, các vị giải thoát kia v.v... đều là chỗ thành thực của Tuệ, hai loại sau là do nghe chánh pháp làm đầu. Trong phần lấy Niết-bàn làm Thượng thủ, có mười pháp chuyển; trong Tuệ thành thực, có mười loại tiếm thứ, cho nên tổng kết mở rộng giáo gọi là mười Thập chủng, không phải nghe chánh pháp mới có mười loại. Cho nên trong phần nghe chánh pháp không có tổng kết mở rộng giáo, hoặc lỗi hoặc tăng thêm, hai loại sau có tổng kết.

Trong bảy chi, chi thứ năm là Tu tập đối trừ, tức là thứ ba Tu tập Du-già trong bốn Xứ, văn phân bốn đoạn:

1. Hỏi tổng nêu.
2. Tùy giải thích riêng.
3. Lấy Tu để đối trừ, tức là Tu du-già.
4. Kết rộng Giáo không hơn không tăng.

Trong tùy giải thích riêng, có ba đoạn:

1. Giải thích ba Vị và mười loại tu tập.
2. Từ câu “lại nữa, Bất tịnh tướng có hai loại” trở xuống, là vấn và giải thích trước.

3. Từ câu “lại nữa, Chánh phương tiện tu các Tướng, có khả năng đoạn diệt chỗ trị các Dục” trở xuống, giải thích nhiều Sở tác tu tập đối trị.

Đoạn văn thứ nhất có hai phần:

1. Trình bày ba Vị.
2. Giải thích mười loại Tu.

Trong thuyết minh mười loại Tu, văn có ba đoạn:

1. Thuyết minh hai thứ Bất tịnh tướng và Vô thường tướng.
2. Từ câu “lại nữa, người xuất gia có bốn thứ Sở tác” trở xuống, thuyết minh Vô thường, Khổ v.v... bốn Tướng.
3. Từ câu “lại nữa, đối với cảnh lìa nhàn cư” trở xuống, thuyết minh Quang minh v.v... bốn Tướng.

Chỗ đối trừ mười loại của nó:

1. Tại gia có Dâm dục tham, và Thọ dụng ái.
2. Xuất gia đã bị Tâm tư nhiễu động, không sinh Hỷ lạc. Vì trừ Dâm tham mà tu Bất tịnh tướng, vì trừ Thọ dụng ái và không sinh Hỷ lạc mà tu Vô thường tướng, hiển Vô thường tướng thông với hai vị tu tập của tại gia và xuất gia, lấy hai Năng trừ để trừ hai Sở trừ, cho nên nói thông tùy theo thứ tự, không phải lấy hai loại tại gia xuất gia mà gọi là tùy theo thứ tự.

Trong Vô thường, Khổ v.v... bốn Tướng, có ba đoạn:

1. Thuyết minh bốn loại Sở tác.
2. Thuyết minh bốn loại Sở trị.
3. Thuyết minh bốn loại pháp Năng trị.

Từ đây trở xuống còn lại tám Sở trị và Năng trị pháp, tức là sau khi xuất gia nếu sinh Hỷ lạc, có nhứt nhát giải đãi v.v... làm bốn loại; xa lìa nhàn cư, đối với phẩm Chỉ quán, tâm ám muội v.v... làm bốn loại, cho nên trong xuất gia đối với bốn loại Sự sở y, khởi bốn loại Chương, vì trừ Chương này cho nên tu Vô thường, Khổ v.v... bốn Tướng.

Trong Quang minh v.v... bốn Tướng, có hai đoạn:

1. Thuyết minh bốn loại Sở trị.
2. Thuyết minh bốn Tướng.

Có ba Tướng đối với Sinh có tâm Tùy động tướng, để đối trị tâm này mà tu Diệt tướng, là Hữu vi pháp sinh diệt biến động, gọi là tướng Sinh động. Hiện tại thấy tướng đó, gọi là trong Sinh mà có Tùy động tướng, cho nên đối trị Tướng này mà tu Diệt tướng, vì lìa biến động; hoặc đối với thường sinh đời sau mà có, luôn luôn sinh Hỷ lạc, gọi là Tùy động tướng, để đối trị Tướng này cho nên tu tập Diệt tướng, tức là

phải có Bất sinh, không có ý mừng vui. Tuy có hai giải thích, nhưng giải thích trước hay hơn.

Từ câu “lại nữa, Bất tịnh tướng lược có hai loại” trở xuống, trong giải thích loại thứ hai theo vấn nạn trước phân làm ba đoạn:

1. Giải thích tại gia mới có Bất tịnh tướng.
2. Giải thích xuất gia đối với chỗ tu Khổ tướng Vô thường.
3. Trong giải thích xa lìa Nhân cư, là tu Quang minh tướng.

Tư trạch, là Chánh tư lương. Tu tập, là khởi hành vi tu tập. Trong Bất tịnh tướng có ba phần:

1. Trình bày hai Lược.
2. Thuyết minh hai Chương.
3. Thuyết minh trừ Năng trị bạch pháp này, có nhiều Sở tác.

Trong giải thích Chương, có hai đoạn là phân tích Chương và tổng kết. Trong năm Chương, “thân cận với mẫu sắc”, là luôn luôn gần người nữ. “Xứ hiển thất niệm”, là đối trước nhiều người gặp Hiển cảnh thù thắng. “Cư ẩn phóng dật”, là một mình ở nơi che khuất, phóng dăng suy nghĩ tà. “Thông xứ ẩn hiển do lực tập quen”, là do tập quán trước kia, ở ẩn hoặc hiển mà sinh thất niệm phóng dật. “Cả năm loại tuy là Cần phương tiện v.v...”, là khi tu Bất tịnh, trên Tà tư thù thắng, tâm tùy theo Tịnh tướng.

Bảy loại Chương:

1. Do tánh của việc vốn làm khiến tâm tán loạn, là tùy khi làm các sự kia mà tâm sinh tán loạn.

2. Do tánh của thú hưởng tác dụng việc làm, là sắp làm các sự kia mà phát khởi hứng thú phương tiện tác dụng.

3. Tánh Phương tiện tác ý bất thiện xảo, là như người Vô trí, dùng tài sản của Tam bảo, do không cung kính hầu cận sư phụ ân cần thưa hỏi mà không hiểu Phương tiện.

4. Tuy ở nơi nhàn rỗi, cho đến nhiều loạn tâm, là chỉ do không giữ căn môn, cho nên nhiễm Tâm tư mà khởi.

5. Ăn không điều độ, là thân không điều hoà thích hợp.

6. Vì Tâm tư loạn, mà không ưa thích tịch tĩnh.

7. Vì Thân không điều hoà, cho nên không tu Tuệ phẩm quán sát các pháp.

Trong Năng chương, phải biết tổng nói một môn mười hai và một môn mười bốn, là bàn về hai loại Biệt chương, loại thứ nhất có năm, loại thứ hai có bảy, gọi là một môn mười hai; tổng và biệt hợp chung lại luận, lại thêm hai tổng là Tư trạch chương và Tu tập chương, cho nên

thành một môn mười bốn.

Trong giải thích Quang minh có ba đoạn:

1. Tổng thuyết minh duyên pháp Quang minh này.
2. Thuyết minh mười một Sở trị ám chướng.
3. Hiển tướng vi Năng trị bạch pháp.

“Như vậy Nghi sẽ tùy theo”, là kết đoạn Ám chướng thứ nhất. “Chướng ngại có thể khiến trừ nhân duyên của Nghi”, là kết ba chướng sau. “Tinh cần ít ngủ nghỉ, chánh thực thân điều phục, tùy thuận quán Đế pháp, không muốn sống tạp nhạp, Như lý mà Tác ý”, là Năng trừ khiến trừ nhân duyên của Nghi, ba chướng sau nói làm chướng ngại có thể khiến trừ Nghi.

Chỗ trừ bảy pháp Ám của Tu sở thành tuệ:

1. Hôn trầm.
2. Trạo cử.
3. Hỷ duyệt.
4. Kinh sợ và Sân, là hai thứ pháp tương ứng v.v...
5. Khởi ngôn ngữ Tâm tứ.
6. Bất Chánh tư duy và tâm tán loạn.
7. Tà tư cấu.

Như thứ tự của nó là bảy loại Sở trừ ám chướng của Tu tuệ.

Từ câu “tất cả chủng thanh tịnh của thế gian” trở xuống, giải thích Tu quả thứ tư, văn phân làm hai đoạn là giải thích hai Tịnh và kết thành Tu quả. Trong đoạn thứ nhất lại phân làm hai phần: giải thích chi Thế gian tịnh thứ sáu và giải thích chi Xuất thế gian tịnh thứ bảy. Trong phần thứ nhất lại có hai đoạn: rộng giải thích tướng và tổng kết. Thế gian Thanh tịnh chỉ có tại chánh pháp, không phải các ngoại đạo. Trong phần thứ nhất lại có ba đoạn:

1. Hỏi trình bày ba tên.
2. Tùy giải thích riêng.
3. Kết rộng giáo không hơn không tăng.

Trong giải thích riêng thứ ba, mới đặc Sơ tính lự và Vị chí định, gọi là đặc Tam-ma-địa, đặc Căn bản gọi là Tam-ma-địa viên mãn, là các chướng nhiễm dẫn sinh thân thông và trí tuệ, các Thanh tịnh tươi sạch gọi là Tam-ma-địa tự tại. Trong đặc Tam-ma-địa phân làm bốn đoạn:

1. Giải thích biệt tướng của Năng.
2. Giải thích Đặc, là đặc Cận phần.
3. Kết rộng Thánh giáo không hơn không tăng.

4. Kết thế gian tịnh trụ chánh pháp là Đắc.

Đoạn văn thứ nhất có hai phần:

1. Thuyết minh Sở trị hai mươi pháp.
2. Hiển Năng trị.

Phần thứ nhất lại có hai đoạn:

1. Thuyết minh hai mươi Chương.
2. Thuyết minh bốn Tướng có thể chương pháp.

Đoạn văn thứ nhất lại có ba phần là nêu, giải thích và kết. Trong

Tam-ma-địa viên mãn có ba đoạn:

1. Giải thích mười Tướng.
2. Kết viên mãn nhập Căn bản địa.
3. Kết rộng giáo.

Mười Tướng gồm:

1. Nguyên thắng định mãn.
2. Kiến định thắng đức.
3. Tinh cần sách lệ.
4. Chiết phục sắc ái.
5. Thiện chưa viên tu, ác khác còn thù thắng.
6. Đối với Tịnh thiên sinh tâm không đam nhiễm.
7. Không tự ti thấp hèn mà sách lệ tấn tu.
8. Tùy thuận hai Tu.
9. Tinh cần chánh pháp.
10. Đối với Chỉ quán tùy theo sinh Ái.

Trong Tam-ma-địa tự tại có hai đoạn là giải thích tướng Tự tại và kết rộng giáo. Đoạn văn thứ nhất có ba phần:

1. Nêu, tuy đã viên mãn nhưng chưa có tướng Tự tại, vì khéo quán sát thì sẽ đắc Tự tại.
2. Giải thích bốn Xứ và hai mươi hai loại Tướng.
3. Từ câu “họ đối với bốn Xứ như vậy” trở xuống, thuyết minh tướng Tự tại.

Văn trong đoạn thứ hai có hai phần:

1. Trình bày bốn Xứ.
2. Từ câu “do cạo bỏ râu tóc” trở xuống, giải thích hai mươi hai loại Tướng.

Bốn Xứ gồm:

1. Tự thệ nguyện thọ hình tướng hạ liệt nhưng uy nghi đầy đủ nhiều.
2. Tự thệ nguyện thọ cấm chế Thi-la.

3. Tự thệ nguyện thọ Tinh cần không gián đoạn tu tập thiện pháp.

4. Vì đoạn nhiều Khổ, cho nên khi thọ ba Xứ trước thì phải chánh quán sát nhiều Khổ đeo đuổi theo. Trong bốn Xứ này, ba Xứ trước mỗi mỗi đều khởi lên năm tướng, Xứ thứ tư khởi lên bảy tướng.

Năm Tướng của Xứ thứ nhất:

1. Cạo bỏ râu tóc.
2. Bỏ hình đẹp thế tục.
3. Mặc áo hoại sắc.

Ba tướng này là chỗ khởi thệ nguyện thọ hình tướng hạ liệt. Lại nữa, uy nghi đủ nhiều, mỗi thứ có một là thành năm tướng.

Năm Tướng của Xứ thứ hai:

1. Lược xả chỗ hiển hiện của hai Sự.
2. Không khấn tương tự trách, người khác không mắng đuổi.
3. Có phạm lỗi không coi thường cử tội, do đây nếu khuyết phạm thì liền sinh khấn trách.
4. Người khác đuổi thì có thể hối trừ.
5. Đối với người cử tội thì không giận hờn tổn não, mà tự tu trị.

Năm Tướng của Xứ thứ ba, như văn đã tự hiển. Xứ thứ tư, là chỗ tùy của bốn Khổ, phải quán bảy tướng:

1. Tùy theo Xứ có một tướng, đối với Thánh quả chưa có thể chứng theo.
2. Tùy theo Xứ có bốn tướng, là Sinh lão bệnh tử.
3. Tùy Xứ có một tướng, là Ái biệt ly khổ pháp.
4. Tùy Xứ có một tướng, là Sở tác của tự nghiệp.

Sinh lão bệnh tử lược có hai nghĩa:

1. Tánh bức bách, chỗ nhiếp của Khổ khổ. Đối Pháp luận v.v... nói: “Trong tám Khổ, năm Khổ trước thuộc về Khổ khổ”.

2. Tánh dời đổi biến mất, là sinh biến thành tử, già biến thành trẻ, bệnh biến thành khoẻ, tử biến ra sinh, cho nên đây là nói Hoại khổ đeo đuổi theo; Ái biệt ly pháp không phải là Hoại khổ, vì nghĩa nhiếp nó. Trong Khổ thứ nhất là chỗ nhiếp của Khổ khổ; Khổ thứ hai và thứ ba là chỗ nhiếp của Hoại khổ; một loại thứ tư là chỗ nhiếp của Hành khổ.

Trong Tướng tự tại có hai phần:

1. Thuyết minh Như lý tác ý tương đương với Tự tại.
2. Từ câu “họ do Lạc và Đoạn lạc như vậy mà tu” trở xuống, kết thành tướng lìa nhiễm tiến tới Thiện tự tại.

Trong phần thứ nhất lại có ba đoạn:

1. Nêu “liền khởi Như lý tác ý”.
2. Thuyết minh nương vào bốn Xứ mà khởi hai mươi hai quán, cho đến thành Xuất gia tướng và Sa-môn tướng.
3. Thuyết minh sáu Tu tướng và tướng Đoạn tu.
 - Sáu Tướng gồm:
 1. Lạc đoạn.
 2. Lạc tu.
 3. Không Tham trước.
 4. Không Khuể hại.
 5. Không tùy theo Hoặc, khéo giữ Niệm trụ.
 6. Không có Tăng thượng mạn.
 - Trong Tịnh của xuất thế, văn phân làm ba đoạn:
 1. Nêu trình bày Ngũ Môn.
 2. Tùy giải thích riêng.
 3. Kết thành Tịnh và mở rộng Giáo Nghĩa.

Trước hết đã đắc bốn Thiệt căn thế gian thanh tịnh, rồi liền bắt đầu nhập Đế hiện quán, Minh sinh thì Ám diệt, chướng ngại liền trừ; vì chứng thân thông và trí tuệ mà tư duy chỗ đắc các sự hoan hỷ trước kia; vì đoạn trừ chướng mà tu tập lại chỗ đắc loại Đạo trước kia, do đây mà có thể nhập Vô học vị, chứng Thanh tịnh đạo và Quả công đức. Gọi đó là Lược nghĩa thứ đệ trong đây.

 - Trong nhập Đế quán, lại phân làm ba đoạn:
 1. Hối, sinh khởi từ Thế gian tịnh, vì chứng Xuất thế mà quán cảnh xấu kém của thế gian, sinh chán ghét sâu xa.
 2. Từ câu “lại nữa, đây là trụ chánh pháp” trở xuống, nói rộng về sự chán lo mà an trụ tâm tướng.
 3. Kết hai tướng này, mỗi mỗi đều có hai mươi tướng, lại không có lỗi và tăng, phân tích rộng chán và lo.
 - Trong An trụ tướng, văn phân làm hai đoạn:
 1. Thuyết minh năm xứ sở, lấy hai mươi tướng mà tư duy chán lo.
 2. Từ câu “lại có năm nhân và hai mươi loại Tướng” trở xuống, thuyết minh tâm an trụ.
 - Trong đoạn thứ nhất lại có ba đoạn:
 1. Trình bày năm Xứ.
 2. Từ câu “trong đây lược có ba loại” trở xuống, phân tích hai mươi Tướng.
 3. Từ câu “như vậy kia vì do Chán đồng hành với Tướng” trở xuống, kết thành Chán tướng.

- Năm Xứ:

1. Đối với người đã tạp nhiễm tương ứng.
2. Đối với người đã thanh tịnh không tương ứng.
3. Đối với người đã tạp nhiễm tương ứng thì tội lỗi.
4. Đối với người đã thanh tịnh thì không tương ứng tội lỗi.
5. Đối với người đã thanh tịnh, thấy vấn nạn thì thành phân tích.

Đối với năm Xứ này tâm đều là chán lo. Y theo hai mươi Tướng của năm Xứ, là ba Xứ đầu mỗi mỗi đều có ba Tướng, Xứ thứ tư có năm Tướng, Xứ thứ năm có năm Tướng, hợp chung làm mười chín Tướng. Lại nữa, từ câu “phát khởi kiên cố tinh tấn” trở xuống, kết hợp đối với năm Xứ, tổng quát làm một Tướng, gồm chung với trước là hai mươi Tướng. Tạp nhiễm tương ứng có ba loại, là Thể tạp nhiễm mà đã tương ứng rồi, gồm:

1. Chưa lìa Bất điều tử, bậc Thánh đã lìa.
2. Đang đoạ hố sâu phiền não.
3. Hiện hành ác nghiệp, đang sinh ác xứ.

Đây là tùy theo chỗ thích ứng, tức là Phiền não nghiệp sinh ba loại Tạp nhiễm. Thanh tịnh bất tương ứng, là Niết-bàn, vì Pháp thể định tuệ thắng thanh tịnh chính thân mình không có, cho nên gọi là Bất tương ứng. Tạp nhiễm tương ứng tội lỗi, là do cùng với Thể của Tạp nhiễm tương ứng thì liên sinh ba loại tội lỗi:

1. Sinh lão bệnh tử, Căn bản của Khổ.
2. Tám nơi không nhàn rồi.
3. Đối với tất cả Xứ, sinh các tánh Vô thường chỗ bức bách của

bốn Tướng.

“Thanh tịnh không tương ứng tội lỗi”, là do cùng với Thể thanh tịnh không tương ứng, thì tội lỗi liên sinh. “Đối với người đã thanh tịnh thì thấy vấn nạn thành phân tích”, là các pháp thanh tịnh, thấy tại thân mình thì vấn nạn trở thành phân tích:

1. Nếu xả pháp Thanh tịnh không tu, thì không thể mặc tình tùy ý tự khởi tạo tác mà có thể đắc.

2. Trừ pháp Thanh tịnh, ngoài các thế sự khác, cũng không phải thỉnh người khác mà có thể thành phân tích, hướng chi sự Thanh tịnh.

3. Quyết định nên làm thành đại kiết tường, giải thoát nhiều khổ.

4. Không phải đối với hiện tại không tạo tác các ác mà liền gọi là Thanh tịnh, mà đã vĩnh viễn lìa phiền não nóng bức, vì nếu không có Thánh đạo thì ác nghiệp không hết.

5. Do chứng đắc Thanh tịnh đạo viên mãn thì Quán có thể thanh

tịnh, nếu chứng đắc Học và Vô học đạo thì Quán rốt cùng là Bất tịnh.

Trong Tướng thứ hai mươi, có bốn chữ “lại nữa”. Chữ “lại nữa” thứ nhất, đối với Thể nhiễm tịnh tương ứng và bất tương ứng. Chữ “lại nữa” thứ hai, đối với Nhiễm tịnh tương ứng và bất tương ứng. Từ chữ “quá hoạn” trở xuống hai chữ “lại nữa”, đối với đoạn thứ năm trên, thấy vấn nạn thì thành tướng phân tích tư duy.

Trong “thứ hai, có hai mươi tướng tâm An trụ” có ba đoạn:

1. Nêu năm Nhân là chỗ nhiếp thọ của hai mươi loại tướng, khiến cho đối với Niết-bàn tâm an trụ tướng.

2. Giải thích riêng năm Nhân.

3. Từ câu “tướng kia trong lúc đó do năm Nhân này” trở xuống, kết thành An trụ.

Trong giải thích riêng năm Nhân v.v... phân làm hai đoạn:

1. Thuyết minh năm Nhân.

2. Từ câu “là đối với Không, Vô nguyện v.v...” trở xuống, giải thích hai mươi Tướng.

Trong năm Nhân có ba đoạn là hỏi, giải thích và kết năm Nhân. Y theo nghịch thứ tự mà nói năm Nhân:

1. Bốn Thiện căn mới có thể thông quán bốn Đế.

2. Sở y định, tức là chỗ y chỉ Định của bốn Thiện căn.

3. Ngay trên Định này, mà bốn Niệm trụ trước, Ngũ đình tâm quán v.v... mới có thể nhập cảnh giới.

4. Trước khi quán các cảnh giới này, tu bốn Thánh chủng, sáu Tỳ niệm v.v... gọi là Năng nhiếp thọ gia hạnh tư lương.

5. Ngay trước các Năng nhiếp thọ này mà thọ trì ba Tạng, thân cận Hoà thượng và A-xà-lê có thể thọ lãnh các điều dạy răn, tăng thêm hạnh tư duy, gọi là ban đầu nhiếp thọ Phương tiện. Cho nên nói năm Quán y theo nghịch thứ tự mà nói.

Nương vào năm Nhân trên mà khởi hai mươi Tướng, là y theo Nhân thứ nhất có sáu Tướng, y theo Nhân thứ hai có bốn Tướng, y theo Nhân thứ ba có hai Tướng, y theo Nhân thứ tư có năm Tướng, y theo Nhân thứ năm có ba Tướng. Nhân thứ nhất có sáu Tướng:

1. Vi tế hiện hành gián đoạn và không gián đoạn, tùy chuyển Ngã mạn đồng hành với tâm tướng, đây là đối với Tiền phương tiện của Định v.v... mà khởi Năng chướng hiện quán tác ý chánh đạt. Ngã mạn có gián đoạn là Thức thứ sáu đồng thời. Ngã mạn không gián đoạn là Thức thứ bảy đồng thời. Hai Ngã mạn này đều là Câu sinh cho nên gọi là Vi tế, phân riêng nó là Tư lương xa trước đã chiết phục.

2. Đã thông đạt rồi thì mặc tình tác ý trong tâm, tùy chỗ thích ứng của nó mà có thể khéo buông xả hai Ngã mạn trước, khiến cho vô gián diệt, đây là nghĩa khiến cho Nhiễm ý không hiện hành.

3. Nướng vào Vô gián diệt, là lấy các Hành vô thường v.v... mà như thật tư duy.

4. Do Tác ý này cho đến Bình đẳng trí sinh.

5. Tác ý kia trong lúc đó Ngã mạn v.v... diệt mà chứng Tâm nhất cảnh tánh.

6. Liên tục tư duy rằng: “Ta đã chứng trí này, có thể biết như thật”.

Y theo bốn Tướng của Nhân thứ hai:

1. Đầu tiên là Thế gian đạo, đặc Định viên mãn, cũng đặc Tự tại, là Nhập, Trụ và Xuất.

2. Đối với các Tướng này mà an trụ tại tâm đó mà nhập Đế hiện quán.

3. Nếu đặc Định này chưa viên mãn mà tự tại tư duy, Chỉ quán và Xả tướng.

4. An trụ tại tâm đó.

Trong Tướng thứ ba, có hai Tướng:

1. An-na-ban-na niệm.

2. Pháp niệm trụ.

Trong Nhân thứ tư có năm Tướng:

1. Xa lìa Phi sở hành xứ.

2. Đã xa lìa Tu lạc và Tu đoạn lạc.

3. Đối với ngày đêm phân quán sự suy thịnh của tự và tha, tâm sinh chán lo.

4. Tu sáu Tùy niệm.

5. Trụ bốn Thánh chủng. Trong Nhân thứ năm có ba Tướng, Gia hạnh phương tiện làm hai Tướng, Chánh gia hạnh làm một Tướng.

Trong Môn thứ hai lìa các chướng ngại, có ba đoạn:

1. Nêu trình bày hai Chướng.

2. Tùy giải thích riêng.

3. Từ câu “như vậy hai Xứ và mười loại Thiện xảo” trở xuống, kết thành lìa Chướng và mở rộng nghĩa không hơn không tăng.

Trong giải thích riêng Chướng, có hai đoạn:

1. Thuyết minh hai Xứ và mười một loại Chướng.

2. Từ câu “lại nữa, hai Chướng” trở xuống, là đối với hai Xứ này mà khởi mười Thiện xảo.

Trong Hành xứ chương có sáu loại:

1. Buông xả Thiện phẩm, luôn luôn cùng với nhiều người hội họp.
2. Chú trọng về ẩm thực.
3. Ưu cầu y bát.
4. Thích đàm thoại.
5. Ngày đêm ham ngủ ham nói.
6. Thích cùng với người khác ở chung.

Xứ chương có năm loại: bốn loại đầu tức là bốn loại tánh Bất thuận. Từ câu “hoặc lúc ban ngày nhiều tiếng huyên não và phóng dật” trở xuống, hợp làm một loại, gọi là đối với hai Xứ và mười một loại chương; hoặc Hành và Xứ hợp làm một, Phương tiện của Định gọi là Hành xứ.

Trụ Xứ chương có mười loại: Bốn loại đầu tức là tánh Bất thuận.

5. Ban ngày nhiều huyên não và phóng dật.
6. Ban đêm nhiều khổ.
7. Nhiều kinh sợ.
8. Nhiều tai họa.
9. Có nhiều vật dụng thiếu sót không thể ưa thích.
10. Bị bạn ác nhiếp trì, không có các bạn tốt.

Nhiều Định trong Lạc có sáu Tu, là Chỉ, Cữ, Xả, Nhập, Trụ và Xuất. Trong Tư trạch có bốn loại, nói các Thắng tuệ gọi là Tư trạch, đây là nêu ra Thể của Tư trạch. Dưới đây thuyết minh bốn Thiện xảo:

1. Đối với cả ngày và đêm, biết rõ thiện ác tăng trưởng hay suy thoái.
2. Đối với ngày và đêm, do quen tập y phục v.v... thiện ác suy thoái, biết rõ như thật.
3. Suy nghĩ chọn lựa làm áo, đối với bất thiện pháp xua đuổi xa lìa.
4. Đối với thiện có thể tu.

Trong “vì chứng các sự hoan hỷ của thần thông và trí tuệ” thứ ba có ba đoạn là hỏi, giải thích và kết. Trong giải thích có bốn Hỷ:

1. Đối với bốn loại chứng Tịnh sinh Hỷ.
2. Đối với tự mình tăng thượng mà sinh, và quyết định thù thắng sinh Hỷ.
3. Vì không có tật đố, đối với người khác đồng loại đắc hai sự này cũng sinh Hỷ.
4. Nhớ có ân mà phát sinh Hoan hỷ.

Trong “tu tập như chỗ đắc Đạo” thứ tư có ba đoạn là hỏi, giải thích và kết. Trong giải thích có hai đoạn:

1. Thuyết minh bốn pháp làm Sở y.
2. Thuyết minh năm pháp viên mãn.

Bốn pháp làm Sở y:

1. Tâm rất tư duy ngưỡng mộ, tâm ra khỏi Lạc dục, làm sao phải cụ túc trụ như A-la-hán.

2. Như vậy Lạc dục đã phát Cần tinh tấn mà tu ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần.

3. Vì Cần tinh tấn cho nên tâm Lạc xa lìa.

4. Do ba loại trên đã không sinh vui mừng đầy đủ.

Cần trụ thẳng pháp, có thể khiến cho năm pháp tu tập viên mãn:

1. Đối với Hoan hỷ tu được viên mãn, có thể lìa Dục của cõi Dục.

2. Vì tối cực tổn giảm phương tiện đạo lý Phiền não đoạn, đoạn Phiền não của cõi Sắc và cõi Vô sắc, đạt được Thẳng đạo, vui mừng viên mãn.

3. Xa lìa thô trọng.

4. Đắc khinh an.

5. Đắc Kim cương định.

Trong “chứng Thanh tịnh đạo v.v...” thứ năm, có ba đoạn là hỏi, giải thích và tổng kết. Trong giải thích có ba phần:

1. Giải thích riêng công đức của Đạo quả.

2. Kết thành mở rộng giáo.

3. Tổng kết thành Đạo viên mãn vô thượng vô thắng.

Trong giải thích riêng có hai đoạn là giải thích riêng ba phần trên và tổng kết. Tọa nhiễm phẩm của Thủ là Phiền não, Tọa nhiễm phẩm của Hành là nghiệp.

